

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E304

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	18810310341	Trần Văn	An	16/06/2000			
2	TA0002	18810110025	Trần Văn	An	12/11/2000			
3	TA0003	19810710122	Cao Lan	Anh	09/12/2001			
4	TA0004	18810430093	Chu Tuấn	Anh	19/10/2000			
5	TA0005	18810170292	Đàm Đức	Anh	10/01/2000			
6	TA0006	18810410058	Đinh Quang	Anh	26/09/2000			
7	TA0007	18810620104	Đinh Tiến	Anh	14/02/2000			
8	TA0008	1781620002	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
9	TA0009	18810340700	Đoàn Thị Lan	Anh	21/08/2000			
10	TA0010	1781110102	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999			
11	TA0011	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	10/01/2000			
12	TA0012	18810110226	Lâm Đức	Anh	15/09/2000			
13	TA0013	19810110121	Lê Đức	Anh	05/05/2001			
14	TA0014	18810850035	Lê Đức	Anh	25/01/2000			
15	TA0015	18810610024	Lê Thế	Anh	21/10/2000			
16	TA0016	19810830065	Lê Thị Quỳnh	Anh	22/04/2001			
17	TA0017	18810340601	Nguyễn Quỳnh	Anh	20/11/2000			
18	TA0018	18810230044	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/09/2000			
19	TA0019	19810810079	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/08/2001			
20	TA0020	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	01/02/2000			
21	TA0021	18810110135	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/2000			
22	TA0022	18810620043	Phạm Tuấn	Anh	23/08/2000			
23	TA0023	18810340317	Phan Đình	Anh	19/05/2000			
24	TA0024	1781410306	Trần Ngọc	Anh	04/01/1999			

25	TA0025	1781810107	Vũ Diệu	Anh	27/11/1999			
26	TA0026	18810230051	Đặng Ngọc	Ánh	15/09/2000			
27	TA0027	18810710130	Đinh Phương Ngọc	Ánh	09/01/2000			
28	TA0028	19810310046	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/08/2001			
29	TA0029	19810820052	Phương Thị Ngọc	Ánh	11/02/2001			
30	TA0030	18810430074	Tạ Đình	Bắc	09/07/2000			
31	TA0031	18810310126	Phan Ngọc	Bách	12/11/2000			
32	TA0032	18810340537	Bùi Chí	Bảo	10/11/2000			
33	TA0033	18810170136	Đỗ Ngọc	Bảo	15/05/2000			
34	TA0034	18810830068	Nguyễn Thị	Bích	04/12/2000			
35	TA0035	20810810001	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	14/09/2002			
36	TA0036	19810710137	Trần Khánh	Chi	26/08/2001			
37	TA0037	18810340684	Phạm Thị Mai	Chinh	29/06/2000			
38	TA0038	1781320001	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999			
39	TA0039	18810410131	Lê Quý Hoàng	Cường	19/05/2000			
40	TA0040	18810310058	Phạm Quảng	Đại	26/09/2000			
41	TA0041	18810110060	Trần Hoàng	Đại	08/05/2000			
42	TA0042	18810110301	Lường Văn	Đào	02/06/1999			
43	TA0043	18810340510	Dương Tiến	Đạt	26/12/2000			
44	TA0044	1781310018	Lê Quốc	Đạt	20/05/1999			
45	TA0045	18810310282	Nguyễn Minh	Đạt	14/08/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0046	19810430169	Nguyễn Tiến	Đạt	21/09/2001			
2	TA0047	18810430037	Nguyễn Xuân	Đạt	05/12/2000			
3	TA0048	19810170238	Trương Tiến	Đạt	25/10/2001			
4	TA0049	18810170091	Vũ Đức	Đạt	08/09/2000			
5	TA0050	1781420154	Nguyễn Văn	Đoàn	03/03/1999			
6	TA0051	1781410418	Lê Trung	Đông	08/11/1999			
7	TA0052	18810620039	Trần Hải	Đông	09/02/2000			
8	TA0053	18810310082	Vi Trường	Đông	04/10/2000			
9	TA0054	18810610072	Nguyễn Văn	Dự	08/11/2000			
10	TA0055	1781410419	Đàm Trung	Đức	28/06/1999			
11	TA0056	18810610044	Đinh Bạt	Đức	26/07/2000			
12	TA0057	1781510088	Lê Huỳnh	Đức	07/01/1999			
13	TA0058	18810430030	Lê Trung	Đức	23/10/2000			
14	TA0059	18810620075	Nguyễn Công	Đức	06/08/2000			
15	TA0060	18810540081	Nguyễn Minh	Đức	30/03/2000			
16	TA0061	18810610025	Nguyễn Trung	Đức	03/07/2000			
17	TA0062	18810510052	Trần Thái	Đức	27/03/2000			
18	TA0063	18810170148	Vũ Minh	Đức	01/09/2000			
19	TA0064	18810540048	Vũ Việt	Đức	07/12/2000			
20	TA0065	18810610012	Bùi Anh	Dũng	07/02/2000			
21	TA0066	1781510016	Đỗ Mạnh	Dũng	27/02/1999			
22	TA0067	18810170017	Hoàng Trọng	Dũng	11/11/2000			
23	TA0068	19810110347	Nguyễn Tiến	Dũng	27/01/2000			
24	TA0069	1781110119	Nguyễn Việt	Dũng	25/01/1999			

25	TA0070	18810510005	Trần Ngọc	Dũng	18/09/2000			
26	TA0071	1781110078	Đỗ Thái	Dương	16/02/1999			
27	TA0072	18810340672	Lưu Thùy	Dương	03/12/2000			
28	TA0073	18810340120	Nguyễn Ánh	Dương	03/02/2000			
29	TA0074	18810170188	Nguyễn Đức	Dương	20/05/2000			
30	TA0075	18810410182	Nguyễn Tùng	Dương	17/07/2000			
31	TA0076	19810710148	Lê Thị	Giang	08/08/2001			
32	TA0077	18810170097	Nguyễn Trường	Giang	03/09/2000			
33	TA0078	18810320110	Phạm Trường	Giang	20/07/2000			
34	TA0079	1781110124	Vũ Đỗ Trường	Giang	07/06/1999			
35	TA0080	18810340677	Nguyễn Danh	Hà	22/10/2022			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E302

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0081	18810830115	Phạm Thanh	Hà	21/07/2000			
2	TA0082	1781720014	Voòng Thu	Hà	25/08/1999			
3	TA0083	18810310016	Đặng Văn	Hải	05/01/2000			
4	TA0084	18810230039	Hoàng Quốc	Hải	07/02/2000			
5	TA0085	18810510053	Lò Văn	Hải	03/03/2000			
6	TA0086	18810310185	Nguyễn Hoàng	Hải	24/11/2000			
7	TA0087	18810420005	Nguyễn Trung	Hải	15/07/2000			
8	TA0088	18810210025	Ninh Đức	Hải	31/07/2000			
9	TA0089	18810230021	Đào Lý	Hằng	21/09/2000			
10	TA0090	18810310576	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	01/12/2000			
11	TA0091	19810710177	Lê Thị Minh	Hạnh	13/09/2001			
12	TA0092	18810310076	Trần Văn	Hào	22/12/2000			
13	TA0093	18810710095	Hà Minh	Hiền	22/03/2000			
14	TA0094	1781110029	Hoàng Ngọc	Hiệp	30/04/1999			
15	TA0095	18810310217	Nguyễn Hoàng	Hiệp	24/12/2000			
16	TA0096	18810170232	Nguyễn Văn	Hiệp	16/02/2000			
17	TA0097	18810430046	Hoàng Minh	Hiếu	22/09/2000			
18	TA0098	18810000029	Lại Minh	Hiếu	05/01/2000			
19	TA0099	18810540032	Lê Quang	Hiếu	15/08/2000			
20	TA0100	18810340225	Ngô Minh	Hiếu	04/07/2000			
21	TA0101	18810110320	Nguyễn Hữu	Hiếu	04/07/2000			
22	TA0102	18810310089	Nguyễn Thọ	Hiếu	19/06/2000			
23	TA0103	18810320440	Vũ Đức	Hiếu	30/10/2000			
24	TA0104	18810310226	Nguyễn Thị	Hoà	01/01/2000			

25	TA0105	18810320693	Đỗ Thị Thu	Hòa	10/04/2000			
26	TA0106	18810830011	Chu Thị Thu	Hoài	13/05/2000			
27	TA0107	1781420146	Dương Văn	Hoàng	30/12/1999			
28	TA0108	18810340214	Nguyễn Vũ Ngọc	Hồng	25/10/2000			
29	TA0109	18810340123	Trịnh Thị	Hồng	02/07/2000			
30	TA0110	18810430005	Nguyễn Xuân	Hùng	28/02/1998			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h30

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0111	18810110203	Trần Gia	Hùng	12/01/2000			
2	TA0112	19810820024	Đặng Tiến	Hùng	19/04/2001			
3	TA0113	18810310322	Hà Duy	Hùng	05/10/2000			
4	TA0114	18810340172	Nguyễn Bá	Hùng	27/08/2000			
5	TA0115	18810710112	Nguyễn Thành	Hùng	06/06/2000			
6	TA0116	18810610027	Nguyễn Thành	Hùng	17/06/2000			
7	TA0117	18810410197	Trịnh Thiên	Hùng	13/06/2000			
8	TA0118	19810810158	Nguyễn Mai	Hương	25/02/2001			
9	TA0119	19810710270	Nguyễn Thị Thu	Hương	17/02/2001			
10	TA0120	1781810133	Phạm Thị Thu	Hương	24/07/1999			
11	TA0121	18810310087	Trần Thị Mai	Hương	19/07/2000			
12	TA0122	18810340042	Hà Hoàng Quang	Huy	06/09/2000			
13	TA0123	18810310040	Lê Quang	Huy	01/09/2000			
14	TA0124	1781310035	Nguyễn Công	Huy	08/05/1999			
15	TA0125	1781620052	Nguyễn Đình	Huy	21/02/1999			
16	TA0126	18810170179	Trần Anh	Huy	10/03/2000			
17	TA0127	18810420206	Vũ Duy	Huy	20/01/2000			
18	TA0128	19810810130	Đỗ Thu	Huyền	15/03/2001			
19	TA0129	18810340130	Ngô Thị	Huyền	27/08/2000			
20	TA0130	1781810136	Nguyễn Thị	Huyền	19/10/1998			
21	TA0131	18810720114	Nguyễn Thị	Huyền	29/07/2000			
22	TA0132	18810340710	Nguyễn Thị	Huyền	19/01/2000			
23	TA0133	19810810047	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	15/11/2001			
24	TA0134	18810310219	Đoàn Viết	Khanh	29/07/2000			

25	TA0135	1781410449	Dương Văn	Khanh	25/01/1999			
26	TA0136	18810410041	Lương Ngọc	Khánh	10/12/2000			
27	TA0137	18810170145	Trần Duy	Khánh	09/11/2000			
28	TA0138	18810310442	Đỗ Nguyễn Thiện	Khiêm	19/04/2000			
29	TA0139	18810310222	Nguyễn Gia	Khiêm	22/12/2000			
30	TA0140	1781310140	Nguyễn Bá	Kiên	30/05/1998			
31	TA0141	1781310141	Đỗ Tuấn	Kiệt	01/05/1999			
32	TA0142	18810310147	Lưu Văn	Lâm	25/05/2000			
33	TA0143	18810110196	Nguyễn Thành	Lâm	16/10/2000			
34	TA0144	18810720215	Trần Thị Diễm	Lệ	27/11/2000			
35	TA0145	18810340707	Đặng Khánh	Linh	14/04/2000			
36	TA0146	18810340086	Đặng Thị Ngọc	Linh	13/07/2000			
37	TA0147	18810310503	Lò Hoàng	Linh	25/09/2000			
38	TA0148	18810710157	Nguyễn Diệu	Linh	24/11/2000			
39	TA0149	1781720024	Nguyễn Thuý	Linh	25/12/1999			
40	TA0150	19810710279	Tô Khánh	Linh	06/04/2001			
41	TA0151	19810710095	Vương Mạc	Linh	24/01/2001			
42	TA0152	18810620072	Nguyễn Bá Tùng	Lộc	19/04/2000			
43	TA0153	18810320691	Đỗ Đặng Tiến	Lợi	05/12/2000			
44	TA0154	1781310149	Đặng Thành	Long	16/07/1999			
45	TA0155	18810230027	Dư Thành	Long	20/08/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng chờ thi:** E402**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 8h30**Ngày thi:** 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0156	18810310452	Hoàng Đức	Long	06/11/2000			
2	TA0157	18810110272	Lê Thanh	Long	29/04/2000			
3	TA0158	18810340382	Lê Xuân Hoàng	Long	06/05/2000			
4	TA0159	18810310048	Nguyễn Đức	Long	03/12/2000			
5	TA0160	18810170221	Nguyễn Hải	Long	29/05/2000			
6	TA0161	18810310028	Nguyễn Hoàng	Long	23/01/2000			
7	TA0162	18810620020	Nguyễn Hoàng	Long	26/10/2000			
8	TA0163	18810210004	Nguyễn Hoàng	Long	26/03/2000			
9	TA0164	18810420116	Nguyễn Kim	Long	24/05/2000			
10	TA0165	1781910003	Phạm Hữu	Long	10/11/1999			
11	TA0166	18810170318	Phạm Thành	Long	18/10/2000			
12	TA0167	18810840091	Trần Phi	Long	03/05/2000			
13	TA0168	18810340703	Vũ Quang	Long	27/07/2000			
14	TA0169	18810620083	Nguyễn Dương	Lượng	14/08/2000			
15	TA0170	1781810149	Nguyễn Thảo	Ly	01/01/1999			
16	TA0171	18810720203	Bùi Thị Ngọc	Mai	18/11/2000			
17	TA0172	18810340135	Phạm Thị Ngọc	Mai	29/10/2000			
18	TA0173	18810620058	Nguyễn Hùng	Mạnh	14/04/2000			
19	TA0174	18810230033	Vũ Hùng	Mạnh	19/09/2000			
20	TA0175	18810310151	Đàm Tuấn	Minh	12/08/2000			
21	TA0176	18810310022	Đỗ Quang	Minh	02/10/2000			
22	TA0177	1781720028	Nguyễn Anh	Minh	01/07/1999			
23	TA0178	18810310021	Nguyễn Hoàng	Minh	12/10/2000			
24	TA0179	18810850039	Nguyễn Hoàng	Minh	07/01/2000			

25	TA0180	18810310569	Nguyễn Thị Thảo	Minh	18/05/2000			
26	TA0181	19810310021	Lưu Ngọc	Nam	22/03/2001			
27	TA0182	18810340237	Nguyễn Hoàng	Nam	08/07/2000			
28	TA0183	18810310146	Nguyễn Phương	Nam	16/06/2000			
29	TA0184	18810310064	Nguyễn Phương	Nam	06/01/2000			
30	TA0185	19810710111	Nguyễn Phương	Nam	24/08/2001			
31	TA0186	18810430106	Nguyễn Văn	Nam	18/11/2000			
32	TA0187	1781420026	Trần Phương	Nam	01/06/1999			
33	TA0188	18810310710	Nguyễn Thị Hồng	Nga	24/09/2000			
34	TA0189	18810340161	Vũ Thị	Ngân	11/10/2000			
35	TA0190	18810310051	Lã Quốc	Nghị	01/10/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h30

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0191	18810230032	Nguyễn Chí	Nghĩa	23/07/2000			
2	TA0192	18810340213	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	14/06/2000			
3	TA0193	18810610003	Nguyễn Văn	Nghĩa	16/06/2000			
4	TA0194	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	09/02/2001			
5	TA0195	18810610059	Huỳnh Công	Ngọc	25/04/2000			
6	TA0196	1781810154	Lại Thị	Ngọc	06/07/1999			
7	TA0197	19810810013	Nguyễn Minh	Ngọc	01/08/2001			
8	TA0198	18810430087	Nguyễn Văn Tuấn	Ngọc	15/12/2000			
9	TA0199	18810610047	Hồ Quang	Nguyên	10/07/2000			
10	TA0200	18810810167	Trần Thị Thanh	Nhàn	10/01/2000			
11	TA0201	18810340052	Đoàn Trang	Nhung	25/01/2000			
12	TA0202	18810810156	Lê Thị	Nhung	14/10/2000			
13	TA0203	19810710119	Nguyễn Trang	Nhung	23/11/2001			
14	TA0204	19810110097	Phạm Hồng	Nhung	29/03/2001			
15	TA0205	19810830092	Nguyễn Thị	Nụ	01/05/2001			
16	TA0206	19810830030	Phạm Thị	Oanh	08/12/2001			
17	TA0207	18810410047	Đinh Hồng	Phong	17/04/2000			
18	TA0208	18810410056	Nguyễn Thế	Phong	01/12/2000			
19	TA0209	18810110315	Cao Như	Phú	11/09/2000			
20	TA0210	18810610068	Hoàng Kim	Phú	06/09/2000			
21	TA0211	19810310056	Huỳnh Vĩnh	Phúc	16/05/2001			
22	TA0212	18810320701	Lê Minh	Phúc	13/02/2000			
23	TA0213	18810110050	Nguyễn Hoàng	Phúc	30/09/2000			
24	TA0214	19810810188	Trương Thị Thu	Phương	07/05/2001			

25	TA0215	18810340289	Hoàng Phan Bích	Phượng	03/10/2000			
26	TA0216	18810620136	Hoàng Khắc	Quân	15/02/2000			
27	TA0217	18810310077	Lê Hồng	Quân	08/11/2000			
28	TA0218	1781410043	Lường Tú	Quân	22/03/1997			
29	TA0219	18810340092	Nguyễn Hoàng	Quân	02/09/2000			
30	TA0220	18810850016	Nguyễn Hồng	Quang	22/11/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 15h00

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0221	19810110064	Nguyễn Thanh	Quang	17/03/2001			
2	TA0222	18810170142	Nguyễn Long	Quý	25/12/2000			
3	TA0223	19810830078	Bùi Thị	Quyên	27/08/2001			
4	TA0224	18810410221	Đỗ Hồng	Quyên	19/07/2000			
5	TA0225	18810310554	Nguyễn Hữu	Quyên	05/01/2000			
6	TA0226	1781720032	Đoàn Diễm	Quỳnh	08/09/1998			
7	TA0227	18810720217	Vũ Thúy	Quỳnh	24/09/2000			
8	TA0228	18810340136	Nguyễn Thế	Sinh	12/11/2000			
9	TA0229	18810230009	Lê Văn	Sơn	14/05/2000			
10	TA0230	18810110212	Nguyễn Bảo	Sơn	23/01/2000			
11	TA0231	18810540069	Nguyễn Bảo	Sơn	10/05/2000			
12	TA0232	18810410220	Nguyễn Đình	Sơn	06/07/2000			
13	TA0233	18810230005	Nguyễn Quý	Sơn	17/10/2000			
14	TA0234	18810110036	Vũ Hoàng	Sơn	23/12/2000			
15	TA0235	18810410101	Nguyễn Ngọc	Tài	04/05/2000			
16	TA0236	18810230030	Nguyễn Nhật	Tân	21/10/2000			
17	TA0237	18810110008	Nguyễn Ngọc	Thạch	12/12/2000			
18	TA0238	18810540079	Lê Văn	Thái	21/04/2000			
19	TA0239	18810850014	Phạm Hồng	Thái	02/06/2000			
20	TA0240	18810110227	Khuất Duy	Thản	14/05/2000			
21	TA0241	18810340342	Ngô Đức	Thắng	23/01/2000			
22	TA0242	18810430049	Phạm Quang	Thắng	18/01/2000			
23	TA0243	18810310325	Phương Công	Thắng	25/07/2000			
24	TA0244	18810170085	Trần Quyết	Thắng	23/02/2000			

25	TA0245	18810000024	Đào Tiến	Thành	16/12/2000			
26	TA0246	1781620085	Đinh Tiến	Thành	29/10/1999			
27	TA0247	18810310345	Nguyễn Minh	Thành	22/04/1998			
28	TA0248	18810170111	Phạm Hữu	Thành	25/01/2000			
29	TA0249	18810110229	Phạm Minh	Thành	25/12/2000			
30	TA0250	18810310188	Trương Tất	Thành	23/04/2000			
31	TA0251	19810830099	Bùi Phương	Thảo	21/09/2001			
32	TA0252	19810830001	Hà Thị Phương	Thảo	11/11/2002			
33	TA0253	19810830073	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999			
34	TA0254	18810340580	Nguyễn Phương	Thảo	20/07/2000			
35	TA0255	19810810135	Phạm Thị Ngọc	Thảo	15/03/2001			
36	TA0256	18810230053	Trịnh Hồng	Thảo	28/03/1999			
37	TA0257	1781910005	Đinh Quốc	Thế	13/02/1999			
38	TA0258	18810320479	Trần Đức	Thiện	06/01/2000			
39	TA0259	18810310189	Đào Quang	Thiết	17/11/2000			
40	TA0260	18810810173	Nguyễn Thị	Thìn	09/09/2000			
41	TA0261	1781310171	Nguyễn Đức	Thịnh	06/06/1999			
42	TA0262	18810320106	Nguyễn Đức	Thịnh	04/01/2000			
43	TA0263	18810310256	Đỗ Thị	Thu	07/04/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 15h00

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0264	18810340216	Nguyễn Thị Thu	Thương	02/04/2000			
2	TA0265	18810340072	Vũ Thị Minh	Thương	11/06/2000			
3	TA0266	18810110004	Nguyễn Minh	Tiến	19/08/2000			
4	TA0267	19810310040	Nguyễn Thị	Tĩnh	17/09/2001			
5	TA0268	18810110279	Bùi Trung	Tĩnh	10/03/2000			
6	TA0269	18810430113	Dương Đức	Toàn	25/09/2000			
7	TA0270	18810310024	Hà Quang	Toàn	04/01/2000			
8	TA0271	18810110026	Lê Anh	Toàn	11/01/2000			
9	TA0272	1781420134	Trần Quốc	Toàn	15/09/1999			
10	TA0273	18810310085	Tạ Quốc	Trần	01/11/2022			
11	TA0274	19810830007	Bùi Hồng	Trang	09/06/2001			
12	TA0275	18810210002	Lê Thị	Trang	16/10/2000			
13	TA0276	18810340713	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/12/1999			
14	TA0277	18810340053	Vũ Thị Ninh	Trang	15/06/2000			
15	TA0278	18810170094	Nguyễn Minh	Trí	28/10/2000			
16	TA0279	18810340041	Dương Phương	Trình	09/10/2000			
17	TA0280	18810170215	Hoàng Văn	Trình	21/06/2000			
18	TA0281	1781410373	Đỗ Minh	Trung	25/07/1999			
19	TA0282	18810230047	Nguyễn Đức	Trung	11/11/2000			
20	TA0283	18810110211	Phạm Quốc	Trung	16/07/2000			
21	TA0284	18810230001	Trần	Trung	15/08/2000			
22	TA0285	1781420037	Hà Ngọc	Trường	25/05/1999			
23	TA0286	18810110277	Nguyễn Đình	Trường	21/11/2000			
24	TA0287	18810210017	Bùi Văn	Tú	20/03/2000			

25	TA0288	18810430021	Nguyễn Văn	Tuân	05/01/2000			
26	TA0289	18810230040	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/2000			
27	TA0290	18810510028	Nguyễn Quốc	Tuấn	31/10/2000			
28	TA0291	18810110270	Võ Quý	Tuấn	12/02/2000			
29	TA0292	1781310180	Nguyễn Trí	Tuệ	13/03/1999			
30	TA0293	18810340247	Hứa Sơn	Tùng	17/01/2000			
31	TA0294	18810310080	Nguyễn Duy	Tùng	28/09/2000			
32	TA0295	18810430125	Nguyễn Hữu	Tùng	12/10/2000			
33	TA0296	18810610034	Nguyễn Mạnh	Tùng	29/06/2000			
34	TA0297	1781640022	Nguyễn Thanh	Tùng	24/11/1999			
35	TA0298	18810310056	Nguyễn Việt	Tùng	15/08/2000			
36	TA0299	18810430240	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	08/05/2000			
37	TA0300	18810410154	Lê Thành	Văn	02/01/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 15h00

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0301	18810340292	Nguyễn Đức	Vĩ	17/07/2000			
2	TA0302	18810220020	Nguyễn Trọng Thành	Vĩ	27/06/2000			
3	TA0303	18810310152	Đặng Hồng	Việt	02/08/2000			
4	TA0304	18810610043	Đào Đức	Việt	14/06/2000			
5	TA0305	18810310009	Khương Quốc	Việt	11/03/2000			
6	TA0306	18810410225	Ngô Xuân	Vinh	25/02/2000			
7	TA0307	18810850003	Nguyễn Minh	Vương	21/07/2000			
8	TA0308	19810830114	Phạm Thị Hồng	Xuân	21/11/2001			
9	TA0309	18810340162	Nguyễn Thị	Xuyên	06/10/2000			
10	TA0310	16811101016	Nguyễn Văn	Cảnh	21/06/1998			
11	TA0311	20CH4010006	Bùi Thanh	Tùng	01/03/1995			
12	TA0312	20CH5020015	Dương Chí	Công	17/04/1983			
13	TA0313	20CH5010010	Trần Ngọc	Hoàng	06/05/1997			
14	TA0314	20CH5020017	Hà Lê	Huy	28/01/1997			
15	TA0315	Thi đầu vào ThS	Nguyễn Thị Thanh	Hải	23/02/1984			
16	TA0316	Thi đầu vào ThS	Nguyễn Quốc	Hiếu	14/01/1998			
17	TA0317	20CH5020011	Hoàng Thị Thu	Hà	13/08/1991			
18	TA0318	1781810149	Nguyễn Thảo	Ly	01/01/1999			
19	TA0319	Thi đầu vào ThS	Vũ Nguyễn Hoàng	Cường				
20	TA0320	18810310158	Nguyễn Phúc	Tuấn	21/10/2000			
21	TA0321	Thi đầu vào ThS	Nguyễn	Tuân	18/09/1990			
22	TA0322	Thi đầu vào ThS	Trịnh Mỹ	Hạnh	10/10/1995			
23	TA0323	Thi đầu vào ThS	Nguyễn Hoàng	Vượng	13/01/1994			
24	TA0324	Thi đầu vào ThS	Trần Quốc	Cường	30/04/1980			

25	TA0325	Thi đầu vào ThS	Phạm Đức	Thành	26/11/1981			
26	TA0326	Thi đầu vào ThS	Phạm Văn	Công	10/03/1991			
27	TA0327	Thi đầu vào ThS	Mai Văn	Dũng	20/11/1979			
28	TA0328	Thi đầu vào ThS	Đỗ Hồng	Giang	29/01/1997			
29	TA0329	Thi đầu vào ThS	Lương Văn	Phúc	16/07/1990			
30	TA0330	Thi đầu vào ThS	Đinh Đức	Anh	19/12/1999			
31	TA0331	Thi đầu vào ThS	Đào Đức	Công	09/08/1993			
32	TA0332	Thi đầu vào ThS	Lương Ngọc	Cường	19/10/1981			
33	TA0333	19CH3010012	Nguyễn Hồng	Lâm	10/04/1994			
34	TA0334	17CH0000034	Phạm Quang	Tiến	14/08/1994			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)